

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY N**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2020/HNGĐ-PT
Ngày: 21-12-2020
V/v Tranh chấp về
ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY N

- T phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyền.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Sơn;

Ông Phạm Văn Diệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây N tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây N xét xử phúc thẩm C khai vụ án thụ lý số: 34/2020/TLPT-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 61/2020/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Tây N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 36/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1981; cư trú tại: Tổ 3, ấp 1, xã Mỏ C, huyện Tân B, tỉnh Tây N; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Võ Thị Thanh N, sinh năm 1982; cư trú tại: Tổ 7, lô 8, ấp cây Xiêng, xã Đồng K, huyện Châu T, tỉnh Tây N; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Chị Võ Thị Thanh N là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn K kiện ngày 10 tháng 6 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Đình T trình bày:

Anh và N chung sống với nhau từ năm 2010, có đăng ký kết hôn năm 2011. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung nhà ba mẹ của chị N, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường cãi vã, sống không hạnh phúc nên anh về nhà mẹ ruột ở ấp 1, xã Mỏ C sinh sống, vợ chồng ly thân từ tháng 6/2019 đến nay. Quá trình ly thân anh có về thăm con, vợ chồng gây gổ anh có đánh chị N. Nhận thấy cuộc sống chung không còn hạnh phúc, yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

Về con chung: Có 02 người Nguyễn Hoàng Long, sinh ngày 05/10/2011 và Nguyễn Minh Nhật, sinh ngày 07/6/2016 hiện hai con đang sống chung với chị N. Anh yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có

Bị đơn chị Võ Thị Thanh N trình bày: Thông nhất lời trình bày của anh T về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn. Vợ chồng cãi vã do chị thấy tin nhắn trong điện thoại anh T, chị nói thì anh T bỏ nhà đi, vợ chồng ly thân từ tháng 6/2019 đến nay. Quá trình ly thân anh T có về thăm con, vợ chồng cãi nhau anh T đánh chị. Mâu thuẫn vợ chồng không lớn, chị yêu cầu đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Có 02 người Nguyễn Hoàng Long và Nguyễn Minh Nhật, hiện hai con đang sống chung với chị, đồng ý giao hai con chung cho anh T nuôi, chị không có nghề nghiệp nên không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có

Bản án sơ thẩm số: 61/2020/HNGĐ-ST ngày 11-9-2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Tây N đã quyết định:

Căn cứ các điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Đình T đối với chị Võ Thị Thanh N. Anh Nguyễn Đình T được ly hôn với chị Võ Thị Thanh N.

Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của anh Nguyễn Đình T và chị Võ Thị Thanh N, anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung Nguyễn Hoàng Long, sinh ngày 05/10/2011 và Nguyễn Minh Nhật, sinh ngày 07/6/2016. Ghi nhận anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Đình T và chị Võ Thị Thanh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí; quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/9/2020 chị Võ Thị Thanh N có đơn kháng cáo, cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên anh T trực tiếp nuôi hai con chung nhưng thực tế anh T không nuôi con, vẫn để hai con chị nuôi nên chị kháng cáo yêu cầu được nuôi hai con chung Nguyễn Hoàng Long và Nguyễn Minh Nhật; yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi hai con chung hàng tháng là 5.000.000 đồng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Tại B bản lấy lời khai của anh T vào ngày 11/12/2020, anh T đồng ý giao hai con chung cho chị N nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi hai con chung hàng tháng là 3.000.000 đồng; chị N đồng ý mức cấp dưỡng nuôi hai con chung là 3.000.000 đồng/tháng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây N:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của chị Võ Thị Thanh N. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm số: 61/2020/HNGĐ-ST ngày 11-9-2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Tây N; giao hai con chung Nguyễn Hoàng Long và Nguyễn Minh Nhật cho chị N nuôi dưỡng, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung là 3.000.000 đồng/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; ý kiến của đương sự; ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Đình T và chị Võ Thị Thanh N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị N.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của chị Võ Thị Thanh N yêu cầu được nuôi hai con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng cho hai con chung hàng tháng là 3.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại B bản lấy lời khai của anh T vào ngày 11/12/2020, anh T đồng ý chị N nuôi hai con chung và đồng ý cấp dưỡng nuôi hai con chung hàng tháng là 3.000.000 đồng; chị N đồng ý mức cấp dưỡng nuôi hai con chung là 3.000.000 đồng/tháng.

Xét thấy, anh T đồng ý giao chị N nuôi hai con chung là phù hợp với nguyện vọng của con chung (cháu Long yêu cầu được sống với mẹ), chị N đồng ý mức cấp dưỡng cho hai con là 3.000.000 đồng/tháng như anh T trình bày. Vì vậy kháng cáo của chị N là có căn cứ chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận kháng cáo của chị Võ Thị Thanh N, sửa bản sơ thẩm là có căn cứ.

[4] Từ những phân tích trên xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Võ Thị Thanh N, sửa bản án sơ thẩm số: 61/2020/HNGĐ-ST ngày 11-9-2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Tây N; giao hai con chung Nguyễn Hoàng Long và Nguyễn Minh Nhật cho chị N nuôi dưỡng, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho hai con chung hàng tháng là 3.000.000 đồng (mỗi con 1.500.000 đồng/tháng) tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi hai con chung đủ 18 tuổi.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Đình T phải chịu 300.000 đồng án phí về phần cấp dưỡng cho con.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của chị N được chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm nên theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chị N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Võ Thị Thanh N.

2. Sửa bản án sơ thẩm số: 61/2020/HNGĐ-ST ngày 11-9-2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Tây N.

2.1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Đình T đối với chị Võ Thị Thanh N.

Anh Nguyễn Đình T được ly hôn với chị Võ Thị Thanh N.

2.2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Long, sinh ngày 05/10/2011 và cháu Nguyễn Minh Nhật sinh ngày 07/6/2016 cho chị Võ Thị Thanh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nguyễn Đình T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho hai cháu Long và Nhật mỗi cháu hàng tháng là 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng, tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi hai cháu Long và Nhật đủ 18 tuổi.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị Võ Thị Thanh N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Đình T không thi hành số tiền trên thì hàng tháng anh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2.3. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Đình T và chị Võ Thị Thanh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Nợ chung: Không có.

3. Về án phí:

3.1. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Nguyễn Đình T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo B lai thu số: 0007120 ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu T, tỉnh Tây N.

3.2. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Đình T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí về phần cấp dưỡng cho con.

3.3. Án phí hôn nhân phúc thẩm:

Chị Võ Thị Thanh N không phải chịu. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu T, tỉnh Tây N hoàn trả cho chị N tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị N đã nộp theo B lai thu số: 0007517 ngày 14 tháng 9 năm 2020.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây N;
- TAND huyện Châu T;
- CCTHADS huyện Châu T;
- Phòng KTNV&THA tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Tuyền

T VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Tuyền

